

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 68a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thời gian mở phiên tòa ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã NH, tỉnh KH. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974

Nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã NH, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu T sinh năm 1974 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2001. Quá trình chung sống, vợ chồng tính cách không hòa hợp, ông Trung có tính ghen tuông vô cớ, chửi bới xúc phạm đến danh dự và lòng tự trọng

của bà. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, nay nhận thấy không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 03/6/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/02/2004. Nay ly hôn, bà xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/02/2004 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về con chung đã thành niên là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 03/6/2001 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập, xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông T nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông Nguyễn Hữu T đối với các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị Quỳnh N (bản sao); Bản photo Chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Ngọc C; Sổ hộ khẩu Nguyễn Hữu T (bản photo); Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải tại trung tâm hòa giải; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Nguyễn Hữu T; Biên bản xác minh hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Hữu T; biên bản niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T; về con chung: bà Châu và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 03/6/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/02/2004. Bà C xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là Nguyễn

Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/02/2004 đến tuổi trưởng thành. Bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Cháu N có nguyện vọng được ở với bà C; Con chung Nguyễn Hữu P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nợ chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Hữu T cư trú tại: Thôn Tân Khánh 2, xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã NH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 26 tháng 9 năm 2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà C và ông T thường xuyên mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, ông T có tính nghi ngờ ghen tuông vô cớ, chửi bới xúc phạm đến danh dự và lòng tự trọng của bà C. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Bà C xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn với ông T. Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà C. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà C và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 03/6/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/02/2004. Nay ly hôn, bà C xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/02/2004 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Cháu N có nguyện vọng được ở với bà C;

Con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 03/6/2001 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, yêu cầu của bà C là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Như nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/02/2004 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Con chung Nguyễn Hữu P đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số AA/2021/0003868 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn Thị Ngọc C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã N (GCNKH số 59 ngày 26/9/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Trung